TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 02-12-2025
V/v tranh chấp *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Khắc Quế
2. Bà Lê Thị Thanh Nhàn

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hoàng Thị Thúy Hoa- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lâm Đồng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lâm Đồng tham gia phiên toà*:** Ông Trần Quốc Khánh- Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 244/2025/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2025 về tranh chấp "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2025/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2025.

+ *Nguyên đơn:* Ông **Bùi Văn Anh K**, sinh năm 1998; Địa chỉ: Số nhà 17/12 đường H, Phường B, tỉnh Lâm Đồng; có đơn đề nghị vắng mặt.

+ *Bị đơn*: Bà **Nguyễn Ngọc Thanh T**, sinh năm 1999; Địa chỉ: Hẻm 189 đường L, phường B, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 13/4/2025 và những lời trình bày của nguyên đơn ông Bùi Văn Anh K thể hiện như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông K và bà Nguyễn Ngọc Thanh T tự quen biết nhau từ khoảng năm 2016, sau đó tìm hiểu đến năm 2018 thì tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và chung sống cùng nhau, việc chung sống là tự nguyện, được gia đình hai bên đồng ý. Đến ngày 19/10/2018 thì đăng ký kết hôn tại UBND

Phường 1, thành phố B (nay là Phường B), tỉnh Lâm Đồng.

Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống bình thường nhưng đến cuối năm 2021 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bà T đầu tư làm ăn thất bại vì vậy vợ chồng bất đồng quan điểm trong làm ăn nên bà T đề nghị sẽ đi Thành phố Hồ Chí Minh để lo công việc, ông K đã đón bà T về chung sống nhưng chỉ được khoảng 01 tháng bà T lại tiếp tục bỏ đi. Do không biết bà T đi đâu nên ông K không đi tìm được. Ông K có gọi điện động viên bà T về nhưng bà T không đồng ý. Từ năm 2023 đến nay hàng năm bà T vẫn đi về thăm con nhưng giữa ông K và bà T không có nói chuyện gì về việc hàn gắn tình cảm.

Nay ông K nhận thấy giữa ông và bà T không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không còn, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay, hiện ông cũng không có nhu cầu hàn gắn tình cảm nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông và bà T được ly hôn.

- Về con chung: Ông K và bà T có 02 con chung là Bùi Ngọc Khánh H, sinh ngày 15/9/2018 và Bùi Bảo Hạo K, sinh ngày 14/6/2020. Hiện 02 con chung đang ở cùng ông K. Ly hôn ông K có nguyện vọng được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông K trình bày không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Ông K cam kết vợ chồng không vay nợ chung ai.

Bị đơn bà Nguyễn Ngọc Thanh T không đến Tòa án làm việc, không gửi bản tự khai nên không có ý kiến trình bày.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

- Nguyên đơn ông K có đơn đề nghị vắng mặt.

- Bị đơn bà Nguyễn Ngọc Thanh T không có mặt mặc dù đã được Toà án tiến hành các thủ tục tố tụng hợp lệ từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, cũng không giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Lâm Đồng đã phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật TTDS.

- Về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và hợp lý nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 51, Điều 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông K về việc ly hôn với bà Nguyễn Ngọc Thanh T; Về con chung giao 02 con chung là cháu Bùi Ngọc Khánh H, sinh ngày 15/9/2018 và Bùi Bảo Hạo K, sinh ngày 14/6/2020 cho Ông K tiếp tục nuôi

dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung ông K không yêu cầu nên không đề cập đến.

Về án phí: Đề nghị buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình được pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn bà Nguyễn Ngọc Thanh T cư trú tại phường B, tỉnh Lâm Đồng, nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lâm Đồng.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Bùi Văn Anh K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Ngọc Thanh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Văn Anh K và bà Nguyễn Ngọc Thanh T chung sống với nhau từ năm 2018, việc chung sống là tự nguyện, không bị ép buộc. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND Phường 1, thành phố Bảo Lộc (nay là Phường 1 Bảo Lộc), tỉnh Lâm Đồng ngày 19/10/2018. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Ông K cho rằng từ năm 2021 vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do bà T đầu tư làm ăn thua lỗ nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn vì vậy không còn chung sống với nhau từ năm 2021 đến nay nên ông K yêu cầu được ly hôn với bà T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bà T nhiều lần để tác động, hòa giải nhưng bà T vẫn cố tình vắng mặt, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác, qua xác minh tại chính quyền địa phương và người thân thì thấy rằng giữa ông K và bà T có xảy ra mâu thuẫn nên ông K và bà T không còn chung sống cùng nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông K và bà T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho ông K và bà T được ly hôn là có cơ sở và đúng pháp luật.

[3.2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Qua tài liệu, chứng cứ do Ông K xuất trình trong hồ sơ vụ án xác định giữa ông K và bà T có 02 con chung là Bùi Ngọc Khánh H, sinh ngày 15/9/2018 và Bùi Bảo Hạo K, sinh ngày 14/6/2020. Nay

ông K có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, còn bà T không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến trình bày về việc nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng hiện nay cháu Hân đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được ở với ông K, còn cháu Kiên cũng đang ở cùng ông K. Nay ông K cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, còn bà T không có nguyện vọng gì về việc nuôi dưỡng con chung vì vậy để đảm bảo sự phát triển ổn định và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con, căn cứ khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, xử giao 02 con chung cho ông K nuôi dưỡng đến khi thành niên là cần thiết và đúng pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung, ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông K xác định không có. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cần buộc Ông K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lâm Đồng về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn Anh K.

Cho ông Bùi Văn Anh K ly hôn với bà Nguyễn Ngọc Thanh T.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao 02 con chung là Bùi Ngọc Khánh H, sinh ngày 15/9/2018 và Bùi Bảo Hạo K, sinh ngày 14/6/2020 cho ông Bùi Văn Anh K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung thành niên. Bà T không phải cấp dưỡng nuôi con.

"Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của luật hôn nhân và gia đình".

3. Về án phí: Buộc ông Bùi Văn Anh K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng Ông K đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0000889 ngày 06/6/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng (cũ).

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (hoặc trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết), để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Lâm Đồng;*
- *VKSND khu vực 4 – Lâm Đồng;*
- *Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng;*
- *UBND Phường 1 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Hòa

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**